

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2021/HNGĐ - PT
Ngày 28 tháng 4 năm 2021
V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ**

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Huyền
Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Việt Tiến
Ông Nguyễn Kim Ái
- **Thư ký phiên tòa:** Bà Hoàng Thị Vân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.
- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ:** Ông Nguyễn Quỳnh Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 10/2021/TLPT- HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2021 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”.

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 09/2021/HNGĐ-ST ngày 03 tháng 02 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 13/2021/QĐXXPT - HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Bùi Thị Thu H, sinh năm 1992; địa chỉ: Khu 15, xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ (Có mặt).

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1988; địa chỉ: Khu 15, xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng nguyên đơn chị Bùi Thị Thu H trình bày: Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn B đăng ký kết hôn ngày 25/4/2010 tại Ủy Bn nhân dân xã T (nay là xã Đ), huyện T, tỉnh Phú Thọ trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận và hạnh phúc. Kể từ đầu năm 2018 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính cách không hòa hợp, anh B hay nghi ngờ ghen tuông vô cớ và đánh chị nhiều lần, nên chị phải về nhà bố mẹ đẻ của chị tại Khu 15, xã Đ để ở. Đến nay, vợ chồng đã sống ly thân, anh chị không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Nay chị thấy không còn tình cảm với anh nữa nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Văn B.

Về con chung: Chị và anh B có 03 con chung là cháu Nguyễn Thu U, sinh

ngày 23/11/2010; cháu Nguyễn Trường H, sinh ngày 29/7/2013 và cháu Nguyễn Thị Anh T, sinh ngày 21/9/2018. Ly hôn, chị đề nghị được quyền nuôi cả 03 cháu, không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con cùng chị.

Về tài sản chung, công nợ chung, tài sản cho vay và công sức đóng góp: Chị không đề nghị giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn B trình bày: Về thời gian, hoàn cảnh kết hôn và con chung như chị H đã trình bày là đúng. Tuy nhiên, anh cho rằng do có lần anh uống ít rượu, không tỉnh táo nên có nói to tiếng với chị H nên chị H đã bỏ nhà về ở với bố mẹ đẻ chị H. Anh thấy mâu thuẫn nhỏ, chưa đến mức phải ly hôn, anh vẫn còn tình cảm với chị H. Do vậy anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Nếu ly hôn, anh đề nghị được nuôi cháu Nguyễn Thu U, sinh ngày 23/11/2010 và cháu Nguyễn Trường H, sinh ngày 29/7/2013, còn chị H nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Anh T, sinh ngày 21/9/2018, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ chung, tài sản cho vay và công sức đóng góp: Anh không đề nghị giải quyết.

Tại bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 09/2021/HNGĐ-ST ngày 03/02/2021 Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ đã quyết định:

Căn cứ khoản 4 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Bn thường vụ quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị Thu H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Bùi Thị Thu H được ly hôn anh Nguyễn Văn B.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thu U, sinh ngày 23/11/2010 và cháu Nguyễn Thị Anh T, sinh ngày 21/9/2018 cho chị Bùi Thị Thu H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ khi án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu U, cháu T thành niên;

Giao cháu Nguyễn Trường H, sinh ngày 29/7/2013 cho anh Nguyễn Văn B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ khi Bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Hải thành niên;

Chị H và anh B không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau; Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định của pháp luật mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung, cho vay và công sức đóng góp: Không đặt ra giải quyết trong vụ án này. Sau khi ly hôn, nếu các bên có yêu cầu, Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, tuyên quyền kháng cáo theo luật định.

Kháng cáo: Ngày 04/02/2021 anh Nguyễn Văn B có đơn kháng cáo với nội dung: Đề nghị cấp phúc thẩm xem xét giải quyết cho anh và chị H được đoàn tụ, để vợ chồng cùng nhau nuôi dạy con chung.

Tại phiên tòa phúc thẩm anh Nguyễn Văn B vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Tại phiên tòa anh B đưa ra lời hứa sửa chữa và xin lỗi chị H để được đoàn tụ, nhưng chị H không đồng ý.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ phát biểu quan điểm về việc chấp hành pháp luật của người tiến hành tố tụng thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm: Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Văn B, giữ nguyên Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 09/2021/HNGĐ – ST ngày 03/02/2021 của Tòa án nhân dân huyện T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đọc xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về nội dung kháng cáo: Anh Nguyễn Văn B đề nghị cấp phúc thẩm xem xét giải quyết cho anh và chị H được đoàn tụ, để vợ chồng cùng nhau nuôi dạy con chung. Hội đồng xét xử xét thấy: Chị H và anh B kết hôn trên cơ sở tự nguyện yêu thương nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T (Nay là xã Đ), huyện T, tỉnh Phú Thọ và chung sống với nhau đã được 12 năm. Đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống, vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hòa hợp. Hiện nay chị H và anh B đã ly thân, chị H đã chuyển về nhà bố mẹ đẻ của chị để sinh sống. Bản thân anh B xác định vẫn còn tình cảm với chị H nhưng lại không có biện pháp gì để cải thiện cuộc sống vợ chồng để hàn gắn hôn nhân.

Bên cạnh đó, qua xác minh tình trạng hôn nhân của chị H anh B tại chính quyền địa phương (BL22 - 23) thể hiện: Chị Bùi Thị Thu H và anh Nguyễn Văn B kết hôn với nhau năm 2010 tại Ủy ban nhân dân xã T (nay là xã Đ), huyện T, tỉnh Phú Thọ. Vợ chồng chị H, anh B có 03 con chung là cháu Nguyễn Thu U, sinh ngày 23/11/2010; cháu Nguyễn Trường H, sinh ngày 29/7/2013 và cháu Nguyễn Thị Anh T, sinh ngày 21/9/2018. Thời gian đầu vợ chồng chị H và anh B sống hòa thuận hạnh phúc nhưng sau đã xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hòa hợp, không cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình. Hiện nay, chị H và anh B đã ly thân, chị H đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ từ tháng 4/2020 (cùng khu 15, xã Đ) để ở. Từ đó cuộc sống vợ chồng của chị H anh B đã mâu thuẫn nay lại càng căng thẳng hơn đã đến mức trầm trọng. Tại cấp phúc thẩm anh B không bổ sung tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh anh đã nỗ lực để hàn gắn mối quan hệ hôn nhân mà tại phiên tòa anh B chỉ xin lỗi chị H và hứa sẽ sửa chữa những sai lầm nhưng không được chị H chấp nhận. Theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xét thấy có căn cứ cho ly hôn theo yêu cầu của một bên. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện T xử cho chị H được ly hôn anh B là có căn cứ, yêu cầu kháng cáo xin đoàn tụ của anh B không có cơ sở

không được chấp nhận nên giữ nguyên B ản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh có quan điểm tại phiên tòa là phù hợp nên đề nghị của Kiểm sát viên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2]. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

[3]. Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo của anh Nguyễn Văn B không được chấp nhận nên anh Nguyễn Văn B phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Văn B. Giữ nguyên B ản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 09/2021/HNGĐ-ST ngày 03/02/2021 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Căn cứ khoản 4 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Bn Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị Thu H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Bùi Thị Thu H được ly hôn anh Nguyễn Văn B.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thu U, sinh ngày 23/11/2010 và cháu Nguyễn Thị Anh T, sinh ngày 21/9/2018 cho chị Bùi Thị Thu H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ khi án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu U, cháu T thành niên;

Giao cháu Nguyễn Trường H, sinh ngày 29/7/2013 cho anh Nguyễn Văn B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu H thành niên;

Chị H và anh B không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau; Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định của pháp luật mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung, cho vay và công sức đóng góp: Không đặt ra giải quyết trong vụ án này. Sau khi ly hôn, nếu các bên có yêu cầu, Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

Trường hợp Bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án, cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4.Về án phí phúc thẩm: Anh Nguyễn Văn B phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí phúc thẩm. Xác nhận anh Nguyễn Văn B đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí , lệ phí Tòa án số AA /2018/0000713 ngày 17/02/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo , không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh;
- TAND huyện T;
- CCTHADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu: HS;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Thu Huyền

